

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
H ã T : H c ph n : 122067201503 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040051	36CCĐ1	Nguy n V ã Công	08/01/1994				0.0			0.0	0.0	5.5	3.9	3.9	
2	3671041981	36CCĐ1	Nguy n H u C	20/04/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
3	3671040118	36CCĐ1	Tr n V ã Dân	22/07/1994				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
4	3671040218	36CCĐ1	Nguy n V ã ã	06/11/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
5	3671040055	36CCĐ1	Nguy n Quang ã c	03/12/1994				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
6	3671040274	36CCĐ1	VH ã c ã c	04/03/1993				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
7	3671040020	36CCĐ1	ñ ã C ã ng H u	18/11/1994				2.0			2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
8	3671042003	36CCĐ1	Nguy n Th Hoan	20/12/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
9	3671040216	36CCĐ1	L ã ã ã Hoang	22/08/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
10	3671040011	36CCĐ1	VH ã t Hoang	06/04/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
11	3671040027	36CCĐ1	L ã ã ã Huy	13/07/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
12	3671040126	36CCĐ1	Mai Th Huy	25/09/1993				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
13	3671040178	36CCĐ1	Nguy n Trung Kiên	20/10/1994				0.0			0.0	0.0	1.0	0.7	0.7	
14	3671040221	36CCĐ1	Tr n B ã i Trung Kiên	25/04/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
15	3671040079	36CCĐ1	Tr n V ã Kiên	15/07/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
16	3671040320	36CCĐ1	Bi n H u Kha	20/05/1994				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
17	3671040204	36CCĐ1	T ã ã ã Kha	30/05/1994				3.0			3.0	0.9	5.0	3.5	4.4	
18	3671040262	36CCĐ1	Lê Duy Khang	11/01/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
19	3671040086	36CCĐ1	Nguy n Anh Khang	16/11/1994				4.0			4.0	1.2	1.5	1.1	2.3	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201503 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040285	36CCĐ1	Tr n Ng» Qu c	Khanh	31/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
21	3671042021	36CCĐ1	Hu nh T n	Lâm	02/10/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	N HP
22	3671040087	36CCĐ1	Tr ng Ho ấ	Lâm	02/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
23	3671040033	36CCĐ1	L² V ấ	L u	05/07/1994				4.0			4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	
24	3671041954	36CCĐ1	Ću T n	L c	26/10/1994				1.0			1.0	0.3	4.5	3.2	3.5	
25	3671040211	36CCĐ1	Nguy n Th Ng c	Mai	22/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	3671040465	36CCĐ1	Nguy n ấ c	M nh	15/04/1992				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
27	3671040028	36CCĐ1	Nguy n Ng c H i	My	03/07/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	
28	3671040029	36CCĐ1	Nguy n Ng c	Nam	02/07/1994				2.0			2.0	0.6	3.5	2.5	3.1	
29	3671040680	36CCĐ1	B ấ V ấ	Nhân	05/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
30	3671042051	36CCĐ1	Tr n Vi t	Nhân	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	3671040195	36CCĐ1	Hoàng Thiên	Qu c	12/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
32	3671040170	36CCĐ1	B ấ H u	Quy n	20/02/1992				5.0			5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
33	3671040282	36CCĐ1	Nguy n Ph m Mit Shi Bit	Shu	10/08/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
34	3671040012	36CCĐ1	H ấ n T n	Sinh	08/10/1991				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
35	3671042032	36CCĐ1	Nguy n H ng	S n	16/10/1992				0.0			0.0	0.0	4.5	3.2	3.2	
36	3671040005	36CCĐ1	L u ấ c	Toàn	22/11/1994				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
37	3671041205	36CCĐ1	Nguy n ấ c	Tu n	10/07/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
38	3671040162	36CCĐ1	Lê Thanh	Tú	10/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ1 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 122067201503 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671040103	36CCĐ1	Phan V ã Th ng	17/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
40	3671040199	36CCĐ1	Tr n Thanh Th nh	22/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
41	3471010323	36CCĐ1	Nguy n Minh Thu n	31/03/1992				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
42	3671040140	36CCĐ1	Nguy n H u Th ng	21/06/1993				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
43	3671040280	36CCĐ1	Nguy n Quang Tr i	10/06/1994				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
44	3671040147	36CCĐ1	Tr n Quang Trung	01/06/1993				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
45	3671040060	36CCĐ1	Ph m Nh t Tr ng	26/12/1994				2.0			2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	
46	3671040041	36CCĐ1	Tr ng Nguy n ã c Vinh	12/07/1993				3.0			3.0	0.9	2.5	1.8	2.7	
47	3671040278	36CCĐ1	B ĩi V ã V I O	04/06/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
48	3671041645	36CCĐ1	Nguy n Nguy ² n V I O	10/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

T ng s : 48 h c sinh sinh vi² n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vi² n B M»n Gi" o V Khoa